

VI PHẠM PHÁP LUẬT VÀ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÍ CỦA CÔNG DÂN

I – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Học xong bài này, HS cần đạt được :

1. Về kiến thức

- Nêu được thế nào là vi phạm pháp luật.
- Kể được các loại vi phạm pháp luật.
- Nêu được thế nào là trách nhiệm pháp lí.
- Kể được các loại trách nhiệm pháp lí.

2. Về kĩ năng

Biết phân biệt các loại vi phạm pháp luật và các loại trách nhiệm pháp lí.

3. Về thái độ

- Tự giác chấp hành pháp luật của Nhà nước.
- Phê phán các hành vi vi phạm pháp luật.

II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Về nội dung

a) Giải thích khái niệm

Quan hệ xã hội : là những quan hệ xuất hiện trong quá trình hoạt động xã hội của con người. Ví dụ : quan hệ giữa cha, mẹ và con cái ; quan hệ giữa người lao động và người sử dụng lao động.

Quan hệ pháp luật : là các quan hệ xã hội được pháp luật điều chỉnh. Các bên tham gia quan hệ đó có quyền và nghĩa vụ do pháp luật quy định. Ví dụ : quan hệ giữa cha, mẹ và con chịu sự điều chỉnh trong chương IV của Luật Hôn nhân và gia đình (chương : Quan hệ giữa cha mẹ và con), vì thế đây là quan hệ pháp luật.

b) Vi phạm pháp luật

Để xác định một hành vi có vi phạm pháp luật hay không, cần xác định thêm một số yếu tố sau :

* *Đó phải là một hành vi.* Hành vi này có thể là một hành động cụ thể (ví dụ : ăn trộm) hoặc không hành động (ví dụ : thấy người bị tai nạn nhưng không làm gì để cứu giúp). Nếu chỉ là ý định, ý tưởng nào đó thì không thể bị coi là vi phạm pháp luật.

Lưu ý : Ý định, ý tưởng phạm tội trong suy nghĩ không phải là hành vi vi phạm pháp luật, nhưng nếu đem ý định đó ra đe dọa người khác thì lại bị coi là hành vi vi phạm pháp luật vì sự đe dọa là ý định được thể hiện bằng lời nói và hành động được coi là hành vi đe dọa.

* *Các hành vi đó trái với quy định của pháp luật, thể hiện ở các điểm sau :*

- Không thực hiện những điều pháp luật quy định.
- Thực hiện không đúng những điều pháp luật yêu cầu.
- Làm những việc mà pháp luật cấm.

* *Người thực hiện hành vi đó có lỗi (cố ý hoặc vô ý).*

Trường hợp do hoàn cảnh khách quan, người thực hiện hành vi không thể ý thức được, không được lựa chọn cách xử sự thì không bị coi là người đó có lỗi. Ví dụ : một người đang đi xe máy trên đường, bất ngờ một em bé chạy ngang qua, tai nạn xảy ra. Trong trường hợp này người đi xe máy không có lỗi, hành vi gây ra tai nạn không coi là hành vi trái pháp luật.

* *Người thực hiện hành vi phải là người có năng lực trách nhiệm pháp lí.* Nghĩa là người đó phải có khả năng nhận thức và điều khiển được việc làm của mình và chịu trách nhiệm về hành vi của mình. Trường hợp những hành vi trái pháp luật do người mất trí hoặc trẻ em (chưa đến tuổi theo quy định của pháp luật) thực hiện thì không coi là vi phạm pháp luật.

Lưu ý : Nhiều khi sự phân biệt giữa hành vi vi phạm pháp luật hành chính và hành vi vi phạm pháp luật hình sự chỉ khác nhau ở mức độ nguy hiểm của hành vi. Điều này GV cần nắm vững để giải thích cho HS khi cần. Ví dụ : Hành

vi trốn thuế với số tiền dưới 100 triệu đồng thì đó là hành vi vi phạm pháp luật hành chính và sẽ bị xử lý hành chính ; nếu số tiền trốn thuế từ 100 triệu đồng trở lên thì đó là hành vi vi phạm pháp luật hình sự và sẽ bị xét xử theo Điều 161 về tội trốn thuế trong Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Hành vi cố ý gây thương tích, tùy theo tỉ lệ thương tật, nếu tỉ lệ thương tật dưới 11% thì bị xử lý theo Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ; nếu tỉ lệ thương tật từ 11% trở lên thì bị xử lý theo Điều 104 hoặc 105 Bộ luật Hình sự.

c) Trách nhiệm pháp lí

(1) Nhà nước ban hành luật và đặt ra các quy định pháp luật để quản lí đất nước, quản lí xã hội. Mỗi người chỉ được phép lựa chọn cách xử sự phù hợp với các quy định của pháp luật. Nếu làm trái họ sẽ phải chịu trách nhiệm về việc làm của mình – đó chính là trách nhiệm pháp lí.

(2) Chỉ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Toà án, cơ quan quản lí nhà nước...) mới được quyền áp dụng trách nhiệm pháp lí đối với người vi phạm pháp luật.

(3) Về nội dung, trách nhiệm pháp lí là sự áp dụng các biện pháp cưỡng chế của Nhà nước. Về hình thức, trách nhiệm pháp lí là sự bắt buộc thực hiện quy định của pháp luật.

(4) Ý nghĩa của việc áp dụng chế độ trách nhiệm pháp lí :

– Trừng phạt, ngăn ngừa, cải tạo người vi phạm pháp luật, giáo dục họ ý thức tôn trọng và chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật.

– Răn đe mọi người không được vi phạm pháp luật, giáo dục ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật.

– Hình thành, bồi dưỡng lòng tin vào pháp luật và công lí trong nhân dân.

– Ngăn chặn, hạn chế, từng bước xoá bỏ hiện tượng vi phạm pháp luật trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

2. Về phương pháp

Đây là bài khó, kiến thức nhiều và rất mới đối với HS ; nội dung bài dài, nhiều khái niệm chuyên ngành, thời gian lên lớp có hạn ; vì thế, GV sử dụng phương pháp diễn giải là chủ yếu. Trong quá trình giảng cần kết hợp phân tích

nội dung các khái niệm và đưa ra các ví dụ cụ thể để minh họa nhằm giúp HS hiểu rõ các kiến thức trong bài.

Trong từng phần của nội dung có thể đưa ra một vài vấn đề nhỏ để HS thảo luận.

3. Về tài liệu và phương tiện

- SGK, SGV GDCD lớp 9 ;
- Hiến pháp 1992 ; Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) ; Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 ; Luật Giao thông đường bộ năm 2008 ; Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 (sửa đổi, bổ sung năm 2008) ;...
- Ngoài ra GV có thể sưu tầm các bài báo về những vấn đề liên quan đến vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí để có thêm các ví dụ minh họa bài giảng.

III – CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động 1 : *Tìm hiểu khái niệm vi phạm pháp luật.*

GV đưa ra ba trường hợp :

- (1) A rất ghét B và có ý định sẽ đánh B một trận thật đau cho bõ ghét.
- (2) Một người uống rượu say, đi xe máy và gây ra tai nạn.
- (3) Một em bé lên 5 tuổi, nghịch lửa làm cháy một số đồ gỗ của nhà bên cạnh.

Đề nghị HS cho biết các hành vi đó có vi phạm pháp luật không ? Vì sao ?

Sau khi ghi câu trả lời của HS lên bảng, GV căn cứ vào nội dung điểm b, mục 1 phần II (nêu trên) nhận xét các câu trả lời và giải thích cụ thể vì sao trường hợp 1 và 3 không bị coi là hành vi vi phạm pháp luật.

Kết thúc hoạt động 1, GV nêu ngắn gọn bốn yếu tố của hành vi vi phạm pháp luật.

Hoạt động 2 : *Nhận biết hành vi vi phạm pháp luật.*

GV yêu cầu HS giải quyết tình huống trong phần Đặt vấn đề (SGK) và trả lời các câu hỏi gợi ý (a,b,c). Có thể trình bày dưới dạng điền vào bảng dưới đây (Bảng 1) :

Hành vi (theo SGK)	1		2		3	4		5
	Nhận xét		Người thực hiện		Hậu quả	Trách nhiệm pháp lí		Phân loại vi phạm
	Đúng	Sai	Có lỗi	Không có lỗi		Phải chịu	Không phải chịu	
1.								
2.								
3.								
4.								
5.								
6.								

Trên cơ sở hoạt động 1, mỗi HS nhận xét một hành vi và điền vào các cột 1 – 3. Phân hậu quả do HS tự suy luận.

Cuối cùng, GV cùng cả lớp đánh giá.

Hoạt động 3 : *Phân biệt các loại vi phạm pháp luật.*

– GV yêu cầu cả lớp đọc kĩ mục 1, phần Nội dung bài học trong SGK, sau đó gọi một HS lên bảng, phân loại các hành vi vi phạm và điền vào cột 5.

– GV đề nghị một HS cho một vài ví dụ về hành vi vi phạm pháp luật và yêu cầu HS khác nhận xét và phân loại hành vi đó trên cơ sở nội dung 1 của bài học.

– GV yêu cầu HS làm bài tập 1 trong SGK.

Hoạt động 4 : *Tìm hiểu khái niệm trách nhiệm pháp lí.*

– GV yêu cầu cả lớp tiếp tục suy nghĩ về Bảng 1, trả lời câu hỏi theo gạch đầu dòng thứ tư trong phần Đặt vấn đề về trách nhiệm của người thực hiện hành vi đối với hậu quả do hành vi gây ra và điền câu trả lời vào cột 4.

– HS đọc khái niệm trách nhiệm pháp lí trong SGK, sau đó GV giải thích rõ nội dung và đặc điểm của trách nhiệm pháp lí trên cơ sở điểm c, (1, 2, 3), mục 1 phần II (nêu trên).

– GV yêu cầu HS tự đọc SGK về phân loại trách nhiệm pháp lí (ở mục 2, phần Nội dung bài học).

Hoạt động 5 : *Tìm hiểu ý nghĩa của quy định áp dụng trách nhiệm pháp lí.*

– GV chuẩn bị trước một quy định của pháp luật, ví dụ : khoản 1 và 3 Điều 14 của Nghị định 34/2010/NĐ–CP quy định xử phạt hành chính về giao thông đường bộ. Yêu cầu một học sinh đọc quy định đó và đưa ra các câu hỏi :

- + Quy định trên được ban hành nhằm mục đích gì ?
- + Người vi phạm quy định sẽ phải chịu trách nhiệm gì ?
- + Vì sao Nhà nước lại quy định như vậy ?

GV gợi ý để HS tập trung phát biểu vào các nội dung ở điểm c (4), mục 1 phần II.

– Kết thúc bài học, GV cho HS đọc mục 3 ở phần Nội dung bài học trong SGK và Điều 12 Hiến pháp năm 1992.

Gợi ý giải bài tập

Bài tập 1

Em hãy xác định các hành vi sau đây là vi phạm pháp luật gì ? Hành chính, hình sự, dân sự, kỉ luật ? Đánh dấu × vào cột tương ứng.

Hành vi	Vi phạm pháp luật hành chính	Vi phạm pháp luật hình sự	Vi phạm pháp luật dân sự	Vi phạm kỉ luật
Thực hiện không đúng các quy định trong hợp đồng thuê nhà ;			×	
Giao hàng không đúng chủng loại, mẫu mã trong hợp đồng mua bán hàng hoá ;			×	
Trộm cắp tài sản của công dân ;		×		
Lấn chiếm vỉa hè, lòng đường ;	×			
Giờ tài liệu xem trong giờ kiểm tra ;				×
Vi phạm nội quy an toàn lao động của xí nghiệp ;				×
Đi xe máy 70 phân khối không có giấy phép lái xe.	×			

IV – TƯ LIỆU THAM KHẢO

Nghị định số 34/2010/NĐ–CP, ngày 02-4-2010 quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ

Điều 14. Xử phạt các hành vi vi phạm khác về quy tắc giao thông đường bộ

1. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây :

- a) Phơi thóc, lúa, rơm, rạ, nông, lâm, hải sản trên đường bộ ;
- b) Tập trung đông người trái phép ; nằm, ngồi trên đường gây cản trở giao thông ;
- c) Đá bóng, đá cầu, chơi cầu lông hoặc các hoạt động thể thao khác trái phép trên đường giao thông ; sử dụng bàn trượt, pa-tanh, các thiết bị tương tự trên phần đường xe chạy.

2. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây :

- a) Hợp chợ, mua, bán hàng hoá trên đường bộ ngoài đô thị ;
- b) Để vật che khuất biển báo, đèn tín hiệu giao thông.

3. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây :

- a) Sử dụng đường bộ trái quy định để tổ chức các hoạt động văn hoá, thể thao, diễu hành, lễ hội ;
- b) Dựng cổng chào hoặc các vật che chắn khác trong phạm vi đất dành cho đường bộ gây ảnh hưởng đến trật tự, an toàn giao thông đường bộ ;
- c) Treo băng rôn, biểu ngữ trái phép trong phạm vi đất dành cho đường bộ gây ảnh hưởng đến trật tự an toàn giao thông đường bộ ;
- d) Đặt, treo biển quảng cáo trên đất của đường bộ ở đoạn đường ngoài đô thị ;
- đ) Không cứu giúp người bị tai nạn giao thông khi có yêu cầu ;
- e) Đổ rác, xả nước thải ra đường phố, hầm đường bộ không đúng nơi quy định, trừ hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 4 Điều này.

4. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây

- a) Xây, đặt bục bệ trái phép trên đường phố ; tự ý đập phá, tháo dỡ bỏ vỉa hè hoặc sửa chữa, cải tạo vỉa hè trái phép ;
- b) Xả nước thải xây dựng từ các công trình xây dựng ra đường phố.

5. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây :

a) Ném gạch, đất, đá hoặc vật khác gây nguy hiểm cho người hoặc phương tiện đang tham gia giao thông ;

b) Ném đinh, rải đinh hoặc vật sắc nhọn khác, đổ dầu nhờn hoặc các chất gây trơn khác trên đường bộ, chằng dây hoặc các vật cản khác qua đường gây nguy hiểm trực tiếp đến người và phương tiện tham gia giao thông.

6. Ngoài việc bị phạt tiền, người có hành vi vi phạm còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây : vi phạm điểm a khoản 1 ; khoản 2 ; điểm b, điểm c, điểm d, điểm e khoản 3 ; điểm a khoản 4, khoản 5 Điều này còn buộc phải tháo dỡ công trình trái phép ; tháo dỡ dây, các vật cản ; thu dọn vật liệu, rác thải, đồ vật chiếm dụng mặt đường ; thu dọn đinh, vật sắc nhọn và khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra.